

Bản án số: 135/2024/DS-PT
Ngày: 27-3-2024
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hội

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Vĩnh

Bà Kiều Kim Xuân

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lâm Hồng Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:***
Ông Đỗ Trung Đền - Kiểm sát viên.

Ngày 27/3/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 440/2023/TLPT- DS ngày 30 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2023/DS-ST ngày 20/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2024/QĐPT-DS ngày 30 tháng 01 năm 2024 giữa:

1. ***Nguyên đơn:*** Bùi Thị Bé T, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Ấp Tân B, xã Tân P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- ***Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:*** Bùi Thị Anh T, sinh năm 1986; Địa chỉ: Ấp Tân B, xã Tân P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (theo hợp đồng ủy quyền ngày 14/02/2023) (Có mặt).

2. ***Bị đơn:*** Nguyễn Thị Kh, sinh năm 1974 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Tân B, xã Tân P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3. ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

3.1. Dương Văn L, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Ấp Tân B, xã Tân P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người đại diện theo ủy quyền* của ông Dương Văn L là chị Bùi Thị Anh T, sinh năm 1986 (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 14/02/2023).

3.2. Đoàn Văn K, sinh năm 1996;

Địa chỉ: Ấp Tân B, xã Tân P, huyện Tân H, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người đại diện theo ủy quyền* của anh K là bà Nguyễn Thị Kh.

3.3. Đoàn Văn D, sinh ngày 15/7/2003 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp Tân B, xã Tân P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3.4. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh xã T, huyện T (gọi tắt Xã đoàn T) (Có đơn xin vắng mặt).

- *Người đại diện theo pháp luật*: Bà Nguyễn Thị Thủy T – Chức vụ: Bí thư Xã đoàn.

Địa chỉ: Ấp Hoàng V, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3.5. Ủy ban nhân dân huyện T (Có đơn xin vắng mặt).

- *Người đại diện theo pháp luật*: Ông Huỳnh Văn N – chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T.

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn S, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3.6. Dương Thị Mỹ H, sinh năm 1986 (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp An T, xã An P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

4. *Người kháng cáo*: Bà Bùi Thị Bé T là nguyên đơn; bà Nguyễn Thị Kh là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà Bùi Thị Bé T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Dương Văn L trình bày*: Vào năm 2006, bà T có mua phần đất của ông Dương Văn K (đã chết) một nền nhà diện tích là 125m², thuộc thửa 47, tờ bản đồ số 87, mục đích sử dụng là đất ở nông thôn, tọa lạc tại ấp Tân B, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu vào năm 2007 và cấp đổi giấy mới vào ngày 19/2/2013. Đến ngày 14/02/2023 thì bà T có tờ tường trình là do lâu quá bà T không nhớ rõ thời gian bà T xin trình bày lại là bà mua đất của bà Dương Thị Mỹ H vào năm 2010 chứ không phải 2006. Tuy nhiên, vì bà T chưa có mục đích sử dụng phần đất này nên bà T không thường xuyên kiểm tra nên vào tháng 8 năm 2017 thì bà T có nhờ địa chính xã Tân P xác định lại vị trí phần đất. Khi đó, bà T phát hiện bà Kh đã xây cất nhà trên phần đất của bà T.

Tháng 9/2017 bà T yêu cầu UBND xã Tân P hòa giải kết quả hòa giải không thành nên bà T yêu cầu khởi kiện tại Tòa án trong quá trình Tòa án thu thập tài liệu, chứng cứ thì Công văn trả lời của UBND huyện T việc cấp đất cho bà T là sai thửa nên bà T đã xin rút toàn bộ nội dung khởi kiện. Tòa án đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 96/2018/QĐST-DS ngày 10/10/2018. Vì

vậy, bà T đã liên hệ phòng Tài nguyên và Môi trường để cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì thông tin phần đất bà T được cấp đúng nếu còn tranh chấp thì tiếp tục khởi kiện tại Tòa án. Cho nên bà T mới tiếp tục làm đơn khởi kiện đến Tòa án huyện T.

Nay bà T yêu cầu buộc hộ bà Nguyễn Thị Kh (gồm bà Nguyễn Thị Kh; anh Đoàn Văn K và Đoàn Văn D) trả lại phần đất diện tích 125m², thuộc thửa 47, tờ bản đồ số 87, mục đích sử dụng là đất ở nông thôn, đất tọa lạc tại ấp Tân B, xã Tân P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp và di dời căn nhà trên phần đất bằng khung gỗ tạp, vách tol, máy tol, nền lót gạch bông, diện tích căn nhà ngang 4m; dài 11,5m và 04 cây dừa; 01 cây xoài; 01 cây mận với đường kính khoảng 03cm.

- Bà Nguyễn Thị Kh đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đoàn Văn K: Bà Kh không thống nhất trả lại diện tích 125m², thuộc thửa 47, tờ bản đồ số 87, mục đích sử dụng là đất ở nông thôn, đất tọa lạc tại ấp Tân B, xã Tân P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp cho bà T và không thống nhất di dời căn nhà trên phần đất bằng khung gỗ tạp, vách tol, máy tol, nền lót gạch bông, diện tích căn nhà ngang 4m; dài 11,5m và 04 cây dừa; 01 cây mận với đường kính khoảng 03cm ra khỏi phần đất, vì bà Kh cho rằng diện tích đất hiện nay bà Kh đang cất nhà ở là đất của Nhà nước chứ không có cất nhà trên đất của bà T. Bà Kh đã ở trên đất này được 11 năm và trước khi bà Bé T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi bà Kh về cất nhà ở cũng đã được Ủy ban nhân dân xã Tân P xác nhận là đất của Nhà nước, khi đó các cấp có thẩm quyền nói là khi nào hóa giá thì kêu bà Kh mua ở phần đất tranh chấp hiện tại là của Nhà nước chỉ cứ yên tâm ở.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

+ Anh Đoàn Văn D trình bày: Anh D không thống nhất trả lại diện tích 125m², thuộc thửa 47, tờ bản đồ số 87, mục đích sử dụng là đất ở nông thôn, đất tọa lạc tại ấp Tân B, xã Tân P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp cho bà T và không thống nhất di dời căn nhà trên phần đất bằng khung gỗ tạp, vách tol, máy tol, nền lót gạch bông, diện tích căn nhà ngang 4m; dài 11,5m và 04 cây dừa; 01 cây mận với đường kính khoảng 03cm ra khỏi phần đất, anh D thống nhất theo lời trình bày của mẹ anh là bà Kh, anh D không trình bày gì bổ sung thêm.

+ Bà Nguyễn Thị Thủy T đại diện Xã đoàn T trình bày: Xã đoàn có hỗ trợ cho đoàn viên có hoàn cảnh kinh tế khó khăn trong xã để xây nhà, trong đó có đoàn viên Nguyễn Văn K, còn việc gia đình của anh K xây cất nhà như thế nào trên đất của ai thì không biết và không có ý kiến gì.

+ UBND huyện T trình bày: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết, UBND huyện đã cung cấp các thông tin, tài liệu, chứng cứ để phục vụ công tác xét xử, cũng như để bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của mình theo đúng quy định. Đến nay, UBND huyện giữ nguyên những thông tin, tài liệu đã cung cấp cho Tòa án. Đối với vụ án tranh chấp giữa bà Bùi Thị Bé T và bà Nguyễn Thị Kh thì Ủy ban không có ý kiến gì.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2023/DSST ngày 20/9/2023 của Tòa án huyện T tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Bùi Thị Bé T.

2. Buộc hộ gia đình của bà Nguyễn Thị Kh, gồm: Nguyễn Thị Kh, Đoàn Văn K và Đoàn Văn D cùng có trách nhiệm trả giá trị diện tích đất 125m² bằng tiền là 450.000.000 đồng cho bà Bùi Thị Bé T.

- Hộ gia đình của bà Nguyễn Thị Kh, gồm: Nguyễn Thị Kh, Đoàn Văn K và Đoàn Văn D được tiếp tục sử dụng diện tích đất 125m², thuộc thửa 47, tờ bản đồ số 87, mục đích sử dụng là đất ở nông thôn, đất tọa lạc tại ấp Tân B, xã Tân P, huyện T, do bà Bùi Thị Bé T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có vị trí cứ cặn như sau:

+ Hướng Đông giáp đất Võ Văn H chiều dài 25 mét, từ M2 đến M3; Hướng Tây giáp đất Võ Thị N chiều dài 25 mét, từ M1 đến M4; Hướng Nam giáp đường hẻm chiều ngang 5 mét, từ M3 đến M4.

+ Hướng Bắc giáp đường nhựa chiều ngang 5 mét, từ M1 đến M2.

(Kèm theo sơ đồ đo đạc ngày 01 tháng 06 năm 2020) của Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện T.

- Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp thu hồi giấy chứng nhận QSDĐ diện tích đất 125m², tại thửa số 47, tờ bản đồ số 87 đã cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho bà Bùi Thị Bé T vào ngày 19/12/2013, để cấp lại cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị Kh.

- Hộ bà Nguyễn Thị Kh, gồm: Nguyễn Thị Kh, Đoàn Văn K và Đoàn Văn D được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký QSDĐ theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Buộc hộ gia đình của bà Nguyễn Thị Kh, gồm: Nguyễn Thị Kh, Đoàn Văn K và Đoàn Văn D phải trả cho bà Bùi Thị Bé T với số tiền là 4.171.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc hộ gia đình của bà Nguyễn Thị Kh, gồm: Nguyễn Thị Kh, Đoàn Văn K và Đoàn Văn D phải chịu 22.500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Bùi Thị Bé T được nhận lại 625.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: BG/2018: 00021888 ngày 11-12-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và thời hạn theo luật định.

- Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02/10/2023 bà Bùi Thị Bé T có đơn kháng cáo không đồng ý toàn bộ bản án sơ thẩm, bà yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà, buộc bà Kh phải trả lại diện tích đất nền nhà đang bao chiếm lại cho bà, bà đồng ý trả giá trị căn nhà, các cây có trên đất theo giá của Hội đồng định giá.

- Ngày 04/10/2023 bà Nguyễn Thị Kh có đơn kháng cáo không đồng ý toàn bộ bản án sơ thẩm, bà yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Bùi Thị Bé T, bà Nguyễn Thị Kh vẫn giữ yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đơn kháng cáo của bà Bùi Thị Bé T, không chấp nhận đơn kháng cáo của Nguyễn Thị Kh, sửa bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của bà T, bà Kh, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Dương Thị Mỹ H (con của ông Dương Văn K) và bà Bùi Thị Bé T được Ủy ban nhân dân xã Tân P chứng thực vào ngày 31/5/2010 đối với diện tích 125m² thuộc thửa 409, tờ bản đồ số 7 (nay là thửa 47, tờ bản đồ 87) đất ở nông thôn, địa chỉ thửa đất tại ấp Tân B, xã Tân P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp với giá là 30.000.000 đồng, đến ngày 19/12/2013 thì bà T được cấp đổi giấy mới. Đến năm 2017, bà T nhờ địa chính xã xác định lại vị trí đất thì mới biết bà Kh đang cất nhà ở trên phần đất của bà T, về phía bà Kh thì trước năm 2008, bà Kh có mua phần đất nền nhà của Nhà nước cất nhà ở và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định, sau đó bà Kh chuyển nhượng lại phần đất nền nhà cho bà Phạm Thị Thu H (con gái của bà Nguyễn Thị Lệ A) và dời nhà sang phần đất trống của Nhà nước tự cất nhà ở cho đến nay, trong khi bà Kh chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Nay phần đất nền nhà bà Kh đang cất nhà ở thì Ủy ban nhân dân huyện T đã công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp cho bà T;

Tại Công văn số: 209/UBND-NC ngày 08/7/2019 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc cung cấp thông tin cho Tòa án có nội dung như sau: Thửa đất số

47 và thửa đất số 44, tờ bản đồ 87 không bị trùng thửa với nhau. Thửa đất số 47, tờ bản đồ số 87 diện tích đất 125m² được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Bùi Thị Bé T, tại vị trí tranh chấp với bà Nguyễn Thị Kh đang cất nhà.

Tại Công văn số 346/UBND-NC ngày 22-12-2021, Ủy ban nhân dân huyện T cung cấp thông tin cho Tòa án có nội dung như sau:

“Theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Dương Thị Mỹ H với bà Bùi Thị Bé T, đất có tứ cận: Hướng Đông giáp thửa 368 của bà Phạm Thị Thu H, theo thực tế hiện nay thẩm định, tứ cận không đúng với hợp đồng chuyển nhượng, về hướng Đông không còn giáp với bà H mà lại giáp với đất Võ Văn H. Do trước đây ghi nhận tứ cận trên hợp đồng chuyển nhượng theo hồ sơ địa chính, thực tế nhà bà H ở thửa 104. Năm 2017 cấp giấy chứng nhận thửa 368, tờ bản đồ số 9 (tương ứng với thửa 43, tờ bản đồ số 87, theo bản đồ chính quy cho ông Võ Văn H sử dụng. Vì vậy, nay xác định: Tứ cận hướng Đông giáp với đất ông Võ Văn H là đúng thực tế”.

Như vậy, việc bà Bùi Thị Bé T khởi kiện yêu cầu hộ bà Kh di dời toàn bộ căn nhà và cây trồng có trên đất để trả lại diện tích đất trên cho bà là có căn cứ. Nhưng án sơ thẩm xét về điều kiện, hoàn cảnh gia đình của hộ bà Nguyễn Thị Kh hiện nay để buộc hộ bà Nguyễn Thị Kh phải trả giá trị đất đối với phần diện tích 125m², thuộc thửa 47, tờ bản đồ 87 tọa lạc tại ấp Tân B, xã Tân P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp theo giá mà Hội đồng định giá đã định cho bà Bùi Thị Bé T là chưa có căn cứ. Bởi vì, trước năm 2008, bà Kh cũng đã được Nhà nước xem xét bán cho bà phần đất nền nhà và bà cũng đã cất nhà ở và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật, nhưng bà không sử dụng mà chuyển nhượng lại phần đất nền nhà cho bà Phạm Thị Thu H (con gái của bà Nguyễn Thị Lệ A) và tự ý cất nhà trên phần diện tích đất của bà T đã được Nhà nước công nhận. Do đó, xét yêu cầu khởi kiện của bà T yêu cầu hộ bà Kh (gồm bà Nguyễn Thị Kh, anh Đoàn Văn K và anh Đoàn Văn D) phải trả lại phần đất diện tích 125m², thuộc thửa 47, tờ bản đồ số 87, mục đích sử dụng là đất ở nông thôn, đất tọa lạc tại ấp Tân B, xã Tân P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp và di dời căn nhà trên phần đất bằng khung gỗ tạp, vách tol, máy tol, nền lót gạch bông, diện tích căn nhà ngang 4m, dài 11,5m và 04 cây dừa; 01 cây xoài; 01 cây mận với đường kính khoảng 03cm. Tại phiên tòa, bà T đồng ý trả giá trị căn nhà và cây trồng có trên đất cho hộ bà Kh với giá mà Hội đồng định giá đã định là 67.454.000đ.

Từ những nhận định trên, xét yêu cầu kháng cáo của bà Bùi Thị Bé T là có căn cứ chấp nhận. Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kh là không có căn cứ để chấp nhận, nên sửa bản án sơ thẩm.

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Bé T đồng ý trả giá trị căn nhà và cây trồng có trên đất cho hộ bà Nguyễn Thị Kh nên bà T phải chịu án phí sơ thẩm.

Do sửa bản án sơ thẩm, nên bà T, bà Kh không phải chịu án phí phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đơn kháng cáo của bà Bùi Thị Bé T; không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kh, sửa bản án sơ thẩm. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 589 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn kháng cáo của bà Bùi Thị Bé T; Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kh.

2. Sửa bản án sơ thẩm số: 16/2023/DS-ST ngày 20/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện T.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị Bé T.

Buộc hộ bà Nguyễn Thị Kh (gồm bà Nguyễn Thị Kh, anh Đoàn Văn K và anh Đoàn Văn D) phải trả lại phần đất diện tích 125m², thuộc thửa 47, tờ bản đồ số 87, mục đích sử dụng là đất ở nông thôn, đất tọa lạc tại ấp Tân B, xã Tân P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp do bà Bùi Thị Bé T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 19/12/2013, đất có vị trí cụ thể như sau:

+ Hướng Đông giáp đất Võ Văn H chiều dài 25 mét, từ M2 đến M3; Hướng Tây hẻm chiều ngang 5 mét, từ M3 đến M4; Hướng Bắc giáp đường nhựa chiều ngang 5 mét, từ M1 đến M2.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Bùi Thị Bé T trả giá trị căn nhà và cây trồng có trên đất cho hộ bà Nguyễn Thị Kh với giá mà Hội đồng định giá đã định là 67.454.000đ.

5. Bà Bùi Thị Bé T được sử dụng căn nhà có kết cấu như sau: Nền lót gạch bông, khung gỗ tạp, máy lợp tol, vách tol và 04 cây dừa, 01 cây mận, 01 cây xoài nhỏ.

(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định ngày 01/6/2020; Sơ đồ đo đạc ngày 01 tháng 06 năm 2020 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T).

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Bùi Thị Bé T phải nộp 3.372.700đ tiền án phí, được khấu trừ 625.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: BG/2015: 0002188 ngày

11/12/2018, bà T còn phải nộp thêm 2.747.700đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Hộ bà Nguyễn Thị Kh không phải chịu án phí.

7. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Buộc hộ gia đình của bà Nguyễn Thị Kh, gồm: Bà Nguyễn Thị Kh, anh Đoàn Văn K và anh Đoàn Văn D phải nộp 4.171.000 đồng, nhưng do bà T đã tạm ứng số tiền trên và đã chi xong, nên buộc hộ bà Kh phải trả cho bà Bùi Thị Bé T số tiền là 4.171.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

8. Án phí phúc thẩm: Bà Bùi Thị Bé T, bà Nguyễn Thị Kh không phải chịu tiền án phí phúc thẩm, bà T, bà Kh được nhận lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo các biên lai thu số 0002805 ngày 10/10/2023; 0002800 ngày 09/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện T;
- TAND huyện T;
- Phòng KTNV- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trần Phước Hội